

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Trọng Nhơn.

Ông Hà Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng N, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú: 6/25 đường C, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 25/10/1 đường N, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện (V/v xin ly hôn) đề ngày 09 tháng 01 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng N trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh D kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2015, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột, bất đồng ý kiến làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh D.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Nguyễn Phạm Kiên Tr, sinh ngày 22/7/2013 (nam);

Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2016 (nam);

Các người con đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi hết hai người con, không yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh D:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông D không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Phạm Thị Hồng N yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh D đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Phạm Thị Hồng N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh D, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp xin ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông Nguyễn Minh D cư trú tại ấp 4, xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Minh D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông D.

Bà Phạm Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt đề ngày 21/02/2023, với lý do bà N ở xa (đang cư trú 25/10/1 đường Nguyễn Thị Nê, ấp Phú Hòa, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) và đang bận công việc (giáo viên) nên bà N xin vắng mặt các phiên xét xử, đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội

đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh D kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2015, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01/2015 ngày 05/3/2015, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hồng N và ông Nguyễn Minh D được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Phạm Thị Hồng N cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột, bất đồng ý kiến dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh D, Tòa án đã triệu tập ông D nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà N, cho thấy ông D không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Hồng N đối với ông Nguyễn Minh D theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Nguyễn Phạm Kiên Tr, sinh ngày 22/7/2013 (nam);

Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2016 (nam);

Các người con đang sống với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu nuôi hết hai người con, yêu cầu này là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các cháu Kiên và T (đơn yêu cầu đề ngày 21/02/2023). Quá trình giải quyết vụ án ông D không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu nuôi con của bà N. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu Kiên và cháu T sống với bà N và có cuộc sống ổn định, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao các cháu Kiên Tr và Anh T cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản, nợ thu và nợ trả: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của*

đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Hồng N ly hôn đối với ông Nguyễn Minh D.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Nguyễn Phạm Kiên Tr, sinh ngày 22/7/2013 (nam);

Nguyễn Phạm Anh T, sinh ngày 17/12/2016 (nam);

Khi ly hôn, giao hai cháu Kiên Tr và Anh T cho bà Phạm Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Minh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Nợ thu và nợ trả: Không có.

- Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà N được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015952 ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà N không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền